

Số: 43/2025/QĐST- HNGĐ

Thuận Thành, ngày 26 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 78/2025/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1992.

HKTT: Thôn C, xã N, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Anh Nguyễn Kim T, sinh năm 1992.

HKTT: Thôn C, xã N, tỉnh Bắc Ninh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 8 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 8 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Kim T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Kim T tự nguyện thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Kim Gia T1, sinh ngày 23/8/2014 và Nguyễn Gia L, sinh ngày 26/01/2020. Khi ly hôn hai bên thống nhất giao con L cho chị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Giao con T1 cho anh T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng và giáo dục. Cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu giải quyết. Quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con chung được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản, công nợ*: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị N tự nguyện chịu cả 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004275 ngày 28/7/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Hoàn trả chị N 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 9- Bắc Ninh;
- Cục THA tỉnh Bắc Ninh
(Phòng THADS khu vực 9-BN);
- UBND xã Nhân Thắng
(ĐKKH số 19 ngày 14/02/2014);
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Xuân Suốt

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 9 – BẮC NINHĐộc lập – Tự do – Hạnh Phúc

T, ngày 03 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG QUYẾT ĐỊNH SƠ THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - BẮC NINH

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật tố tụng dân sự
Xét cần sửa chữa, bổ sung quyết định do có sự nhầm lẫn trong Quyết định công
nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 43/2025/QĐST-
HNGĐ ngày 26/8/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Bắc Ninh.

Đã giải quyết sơ thẩm về vụ án “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1992.

HKTT: Thôn C, xã N, tỉnh Bắc Ninh.

Bi đơn: Anh Nguyễn Kim T, sinh năm 1992.

HKTT: Thôn C, xã N, tỉnh Bắc Ninh.

QUYẾT ĐỊNH

Sửa chữa, bổ sung Quyết định số 43/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Bắc Ninh như sau:

Tại dòng thứ 06, trang 02 từ trên xuống của Quyết định đã ghi:

“là 300.000 đồng theo biên lai số 0004275 ngày 28/7/2025 của....”

Nay sửa chữa, bổ sung như sau:

“là 300.000 đồng theo biên lai số 0004275 ngày 15/8/2025 của...”

Nơi nhận:

THẨM PHÁN

- Dương sự;
- VKSND cùng cấp;
- THADS cùng cấp;
- Lưu HS.

Trần Xuân Suốt